

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2019/HNGĐ-PT

Ngày 11 - 11 - 2019

V/v Chia tài sản sau ly hôn, thay đổi người
nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Thẩm phán:

1. Ông Y Phi Kbuôk

2. Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 36/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc kiện “Chia tài sản sau ly hôn, thay đổi người nuôi con, tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2019/QĐ-PT ngày 30/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐ-PT ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H; địa chỉ: Thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T; địa chỉ: Thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ; địa chỉ: Thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Như Á, bà Hồ Thị S; địa chỉ: Đội 4, Nông trường ES, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Ngân hàng TMCP AC; địa chỉ: Số 442, Nguyễn Thị MK, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N - Phó giám đốc.

Địa chỉ: Số nhà 522, đường HV, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2019) - Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Thị H, bị đơn ông Nguyễn Trung T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ.

6. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Vũ Thị H – Người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị Thúy H trình bày:**

- Về tình cảm: Bà H và ông Nguyễn Trung T là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào ngày 18/7/2017.

- Về con chung: Bà H và ông T có hai con chung là Nguyễn Phi H và Nguyễn Như D trước đây khi ly hôn Toà án đã tuyên giao cả hai cháu cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên, ông T không chăm sóc con chung, nay bà H khởi kiện thay đổi người người nuôi con và đề nghị Toà án giao các cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 26/02//2006 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 05/8//2008 cho bà nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông T có các tài sản chung gồm:

+ Thừa thứ nhất: Diện tích 240m² ở thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (chưa có GCNQSDĐ), vị trí: Đông giáp đất ông H rộng 8m; Tây giáp đường nhựa rộng 8m; Bắc giáp đất ông HO dài 30m; Nam giáp đất ông TA dài 30m (nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ) đã thanh toán tiền đầy đủ nhưng chưa hoàn tất thủ tục sang tên.

Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 160m²; sân + các công trình phụ + giếng nước.

+ Thừa thứ hai: Diện tích 14.400m² có trồng 800 cây cà phê đã thu kinh doanh, 700 trụ tiêu, 100 cây bơ, 50 cây sầu riêng ở thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (đã có GCNQSDĐ số: BĐ 263903 cấp ngày 27/12/2011 mang tên Nguyễn Trung T).

Các vật dụng, gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ Hương; 01 bộ bàn ghế gỗ đôi; 01 xe máy BKS 47E1 - 19356; 01 xe cày; 01 bộ bơm thuốc sâu; 01 bộ máy xay cà phê khô; 01 bộ máy xay cà phê tươi; 01 bộ máy xay tiêu; 01 máy giặt hiệu Sam Sung; 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung; 01 ti vi LG; 01 tượng gỗ; 01 giường gỗ Pomu; 01 giường gỗ đôi; 02 nệm Hàn Quốc; 01 bếp ga; 01 nồi cơm điện và đồ gia dụng; 01 tủ chén bát, nhôm kính; 01 máy bơm nước; 01 dàn âm thanh; 06 cuộn ống tưới.

Toàn bộ tài sản này ông Nguyễn Trung T đang quản lý sử dụng.

+ Còn thừa đất thứ 3: Diện tích đất 7.000m² có trồng 600 trụ tiêu vào năm 2013, 60 cây bơ, 50 cây sầu riêng ở thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (đã có GCNQSDĐ số: BĐ 263903 mang tên Vũ Văn V). Các vật dụng: 01 xe máy BKS 47E1 - 07331. Các loại tài sản này do bà Hạnh quản lý.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội 350.000.000 đồng (gốc), số tiền này ông T đã thanh toán bằng tiền riêng của ông T (sau khi ly hôn), nợ ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ số tiền 80.000.000 đồng + lãi phát sinh theo lãi suất Ngân hàng.

Trước đây khi giải quyết ly hôn chưa phân chia tài sản chung nay bà yêu cầu Toà án giải quyết chia các tài sản chung nêu trên và giao các tài sản này cho ông T quản lý, sử dụng còn ông T có trách nhiệm hoàn trả lại một phần giá trị tài sản bằng tiền. Yêu cầu giao con chung cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng.

*** Bị đơn ông Nguyễn Trung T, đại diện theo uỷ quyền ông Đồng Văn N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H đúng như bà H đã trình bày

- Về con chung: Trước đây, khi giải quyết ly hôn, Toà án đã giao các cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 26/02//2006 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 05/8//2008 cho ông nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Từ đó đến nay bà H không chăm sóc các con chung, hiện nay bà H đang đi làm ăn ở xa nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc thay đổi người nuôi con thì ông không đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung : Sau khi ly hôn giữa ông và bà H đã tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia các tài sản chung, là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Việc thỏa thuận giữa ông T và bà H có lập thành văn bản hai bên có ký, có người làm chứng và đã được UBND xã ĐY xác nhận. Nay bà H khởi kiện yêu cầu chia các tài sản chung thì ông yêu cầu Toà án căn cứ văn bản mà các bên đã thỏa thuận để giải quyết.

- Về nợ chung: Trước đây ông và bà H có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội số tiền 350.000.000đ, vay vợ chồng ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ 80.000.000đ, nợ ông Nguyễn Như A và bà Hồ Thị S số tiền 28.500.000đ và

845kg cà phê. Đối với số tiền 350.000.000 đồng nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội ông đã trả hết nay bà H khởi kiện thì ông yêu cầu bà H trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền. Đối với khoản nợ 80.000.000đ nợ ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ thì hiện nay chưa trả là thuộc trách nhiệm của bà H nên ông đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả một nửa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ trình bày:

Năm 2013, ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ chuyển nhượng cho bà H, ông T thửa đất có diện tích 7000m² với giá 51.000.000đ. Bà H, ông T đã trả trước 1.000.000đ, còn nợ lại 50.000.000đ. Ngoài ra ông V, bà Đ còn cho bà H, ông T vay 80.000.000đ. Hiện nay, bà H, ông T vẫn chưa trả, nếu ông T bà H thanh toán đầy đủ số tiền còn lại cho ông V, bà Đ theo giá thị trường hiện nay thì ông bà sẽ bàn giao đất để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nếu không trả thì yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giải quyết hậu quả hợp đồng theo quy định và buộc bà H, ông T trả 80.000.000đ.

- Ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S, đại diện theo uỷ quyền ông Hồ Văn V trình bày:

Năm 2009, ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S cho bà H, ông T vay 28.850.000đ và 843 kg cà phê nhân xô. Đến nay bà H, ông T vẫn chưa trả do đó ông A, bà S khởi kiện yêu cầu buộc bà H, ông T trả số tiền và cà phê nói trên cho ông bà.

- Ngân hàng thương mại cổ phần AC trình bày:

Năm 2018, Ngân hàng thương mại cổ phần AC cho ông V, bà Đ vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo vốn vay, ông V, bà Đ thế chấp cho Ngân hàng giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 03 + 04 + 03a, tờ bản đồ số 105 diện tích 17.870m² tại xã DY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, hiện nay tài sản vẫn đang thế chấp tại ngân hàng. Do chưa đến thời hạn nên Ngân hàng không có yêu cầu gì.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 khoản 1 và khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 157; 165; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471; 474; 697; 698 và 699 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 129 các Điều 463; 466; 500; 501; 502 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung.

Giao ông Nguyễn Trung T sở hữu các tài sản: 01 bộ bàn ghế gỗ Hương; 01 bộ bàn ghế gỗ dổi; 01 xe máy BKS 47E1 - 19356 và 01 xe máy BKS 47E1 - 07331; 01 xe cày; 01 bộ bơm thuốc sâu; 01 bộ máy xay cà phê khô; 01 bộ máy xay cà phê tươi; 01 bộ máy xay tiêu; 01 máy giặt hiệu Sam Sung; 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung; 01 ti vi LG; 01 tượng gỗ; 01 giường gỗ Pomu; 01 giường gỗ dổi; 02 nệm Hàn Quốc; 01 bếp ga; 01 nồi cơm điện và đồ gia dụng; 01 tủ chén bát, nhôm kính; 01 máy bơm nước; 01 dàn âm thanh; 06 cuộn ống tưới.

Giao cho ông Nguyễn Trung T sở hữu thửa đất có diện tích 240m², địa chỉ thửa đất thuộc thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Tờ bản đồ: Đông giáp đất ông H, bà HA, rộng 08m; Tây giáp đường nhựa liên xã, rộng 08m; Nam giáp đất ông T, dài 30m; Bắc giáp đất ông H, dài 30m. Tài sản trên đất: 01 căn nhà cấp 4, diện tích 80m²; 01 mái che + sân bê tông, diện tích 60m²; 01 giếng đào, sâu 25m; 01 sân bê tông, diện tích 100m²; 01 nhà tắm, vệ sinh, diện tích 10m².

Giao cho ông Nguyễn Trung T sở hữu thửa đất có diện tích 14.400m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 263903, thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ số 105, địa chỉ thửa đất: thôn EB, xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Tờ bản đồ: Đông giáp đất của Công ty cà phê KB, rộng 33,8m; Tây giáp suối, rộng 90,8m; Nam giáp đất ông X, bà TH, dài 241,2m; Bắc giáp đất ông V, bà Đ, dài 215,8m. Tài sản trên đất: 800 cây cà phê, 700 trụ tiêu, 100 cây bơ, 50 cây sầu riêng.

Ông Nguyễn Trung T phải thanh toán cho bà Vũ Thị H 1.084.251.550đ (Một tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, để tính lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cho ông Nguyễn Trung T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2006 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2008 cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Bà Vũ Thị H có quyền, nghĩa vụ chăm nom các con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bà Vũ Thị H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà H.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc yêu cầu Tòa án phân chia nợ chung và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ về việc buộc bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Trung T trả số tiền 80.000.000đ. Buộc bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T trả cho ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ số tiền 80.000.000đ. Bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Trung T mỗi người phải trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, để tính lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng và xử lý hậu quả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết giữa ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ với bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T.

Giao cho bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T sở hữu thửa đất có diện tích 7000m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 514819, thuộc một phần của thửa đất số 03 + 04 + 03a, tờ bản đồ số 105, tứ cận: Đông giáp đất của Công ty cà phê KB, rộng 35m. Tây giáp đất suối, rộng 35m; Nam giáp phần đất bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T, dài 215,8m; Bắc giáp phần đất còn lại của ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ, dài 190m; địa chỉ thửa đất thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản trên đất: 600 trụ tiêu, 60 cây bơ, 50 cây sầu riêng.

Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T phải thanh toán cho ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S. Buộc bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T phải trả cho ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S số tiền 28.850.000đ và 843kg cà phê nhân xô. Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T mỗi người phải trả 14.425.000đ (Mười bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và 421,5kg (Bốn trăm hai mươi một phẩy năm năm) cà phê nhân xô.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Trung T mỗi người phải chịu 1.050.000đ (Một triệu, không trăm năm mươi nghìn) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Vũ Thị H đã nộp đủ không phải nộp bổ sung. Trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền 1.050.000đ (Một triệu, không trăm năm mươi nghìn) sau khi thu được của ông Nguyễn Trung T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự.

Ngày 12/8/2019, bị đơn ông Nguyễn Trung T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm với nội dung: Áp dụng văn bản thoả thuận chia tài sản giữa ông và bà Vũ Thị H để giải quyết phân chia tài sản chung.

Ngày 15/8/2019, nguyên đơn bà Vũ Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ kháng cáo toàn bộ Bản án theo hướng yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án để xét xử lại theo thủ tục chung.

Ngày 03/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định kháng nghị số: 802/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa triệt để, thiếu người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, tính sai án phí, đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện và chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Trung T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phúc thẩm:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa triệt để, thiếu người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện và chính xác làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Vũ Thị H - Người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ - Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Huy HI đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần 2. Căn cứ khoản 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bà Vũ Thị H, ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

[2.1] Đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, yêu cầu chia bằng hiện vật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Trung T thanh toán phần chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà H là không phù hợp. Bởi vì theo “Đơn xin chia tài sản chung thỏa thuận của hai vợ chồng”, có xác nhận của Ban tự quản thôn EB, xã ĐY ngày 16/7/2017 và xác nhận của UBND xã ĐY ngày 21/8/2017. Bà H và ông T đã thống nhất thỏa thuận tự phân chia tài sản chung của hai người bằng hiện vật. Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội số tiền 350.000.000 đồng là nợ chung của hai vợ chồng. Sau khi thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung thì số nợ này trách nhiệm thuộc về ông Nguyễn Trung T phải thanh toán cho Ngân hàng. Ngày 04/6/2018, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi 369.400.000 đồng (Theo giấy nộp tiền ngày 04/6/2018 tại Ngân hàng Quân đội). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội vào tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa vợ chồng ông V, bà Đ (bố mẹ bà H) về diện tích đất 7.000m² có trồng tiêu năm 2013, cây ăn trái, cây cà phê ở thôn EB, xã ĐY, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đã có GCNQSDĐ số: BĐ 263903 mang tên Vũ Văn V). Vị trí: Đông giáp đất Công ty TNHH MTV Cao su KB; Tây giáp đất sinh; Nam giáp đất ông T (Thửa đất số: 05, tờ bản đồ số 105); Bắc giáp đất ông V. Theo lời khai của ông T và bà H công nhận đã nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ vào đầu năm 2013. Vợ chồng ông V đã giao đất cho ông T, bà H sử dụng, ông T, bà H đã trồng trụ tiêu (đã thu

kinh doanh) và cây ăn trái từ năm 2013 cho đến ngày 16/7/2017 (sau khi có văn bản thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung). Bà H là người được sử dụng diện tích đất này, bà H đi làm ăn xa nên bà H đã nhờ bố mẹ mình chăm sóc quản lý là hợp lý. Căn cứ Điều 129 BLDS năm 2015; Điều 50 luật đất đai năm 2003 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ với ông Nguyễn Trung T, bà Vũ Thị H đã được thực hiện nên có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Việc vợ chồng ông V, bà Đ thế chấp diện tích đất 17.870m² (trong đó có 7.000m² mà ông V, bà Đ chuyển nhượng cho ông T, bà H) tại Ngân hàng TMCP AC vào năm 2018. Theo “Đơn xin chia tài sản chung thỏa thuận của hai vợ chồng”, có xác nhận của Ban tự quản thôn EB, xã ĐY ngày 16/7/2017 và xác nhận của UBND xã ĐY ngày 21/8/2017. Thì diện tích đất này đã phân chia cho bà H (con đẻ ông V, bà Đ), phía Ngân hàng AC khi thẩm định tài sản không xem xét tài sản trên đất thuộc của ai tạo dựng và ai là người đang sử dụng. Phía đại diện của Ngân hàng TMCP AC không có ý kiến gì cho nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vấn đề này không có căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Việc ông V, bà Đ cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 7.000m² ở thôn EB, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (đã có GCNQSDĐ số: BĐ 263903 mang tên Vũ Văn V). Vị trí: Đông giáp đất Công ty TNHH MTV Cao su KB; Tây giáp đất sinh; Nam giáp đất ông T (Thửa đất số: 05, tờ bản đồ số 105); Bắc giáp đất ông V đã chuyển nhượng cho ông T, bà H chỉ có 51.000.000 đồng. Ý kiến của ông V, bà H đưa ra là không có căn cứ, bởi vì đầu năm 2013 giá trị đất tại khu vực đó, đất có trồng cà phê dao động từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/1.000m². Theo lời khai của ông V, bà Đ cùng bà H cho rằng ông T cùng bà H còn nợ lại của vợ chồng ông V số tiền 50.000.000 đồng, có xuất trình một “Giấy sang nhượng đất rẫy cà phê” ngày 14/01/2013 (bản phô tô không có đối chiếu bản gốc hoặc công chứng). Tuy nhiên, qua xem xét tại “Đơn xin chia tài sản chung thỏa thuận của hai vợ chồng”, có xác nhận của Ban tự quản thôn EB, xã ĐY ngày 16/7/2017 và xác nhận của UBND xã ĐY ngày 21/8/2017. Sau khi ly hôn, hai người phân chia nợ chung cả hai người đều không kê khai, không phân chia mà vợ chồng ông V không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng đã thanh toán đủ số tiền mua đất cho vợ chồng ông V. Căn cứ vào các chứng cứ trên thì ông T, bà H đã thanh toán cho vợ chồng ông V hết số tiền nhận chuyển nhượng đất.

[2.6] Về diện tích đất 14.400m² có trồng cà phê, sau khi hai người thỏa thuận phân chia ông T là người được quản lý sử dụng. Xét thấy việc phân chia tài sản chung và nợ chung của hai người là hoàn toàn tự nguyện và đã được ban tự quản thôn EB và UBND xã ĐY xác nhận. Việc ông T cầm cố hay thế chấp

cho ông TU thuộc quyền của ông T. Do vậy không cần thiết phải đưa ông TU vào tham gia tố tụng.

[2.7] Về phần án phí: Đối với số tiền án phí sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bên phải chịu có sai về số liệu nên được sửa đổi khi tuyên về trách nhiệm thanh toán của mỗi người nhưng cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng sửa bản án.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trung T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng vào “Đơn xin chia tài sản chung thỏa thuận của hai vợ chồng”, có xác nhận của Ban tự quản thôn EBi ngày 16/7/2017 và chứng thực của UBND xã ĐY ngày 21/8/2017 để giải quyết vụ án. Xét thấy, sau khi thỏa thuận phân chia con cái, tài sản chung và nợ chung, phía ông T chưa vi phạm về việc chăm sóc con cái, sử dụng tài sản đúng mục đích và đã thanh toán nợ chung của hai người. Về tài sản quyền sử dụng đất của ông T đã được chuyển đổi sang tên ông T, diện tích đất 240m² thì ông T đã đăng ký kê khai để xin cấp GCNQSDĐ. Do đó, kháng cáo của ông T có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Tại “Đơn xin chia tài sản chung thỏa thuận của hai vợ chồng”, có xác nhận của Ban tự quản thôn EB ngày 16/7/2017 và chứng thực của UBND xã ĐY ngày 21/8/2017, bà H và ông T đã thống nhất thỏa thuận tự phân chia tài sản chung của hai người bằng hiện vật. Mặt khác đối với diện tích đất là 14.300m² tại thửa đất số 5, tờ bản đồ 105, mang tên Nguyễn Trung T, đã được UBND huyện KN cấp giấy CNQSD đất ngày 27/12/2011, ông T và bà H thống nhất để lại cho hai con diện tích 10.000m² trong tổng diện tích 14.300m², trong lúc hai cháu Nguyễn Phi H và cháu Nguyễn Như D còn nhỏ thì ông T quản lý sử dụng để lấy nguồn thu nhập nuôi hai cháu. Nếu sau này cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2006 và cháu Nguyễn Như D, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2008 đủ 18 tuổi, ông T không thực hiện việc chuyển quyền quản lý sử dụng cho hai cháu như trong văn bản thỏa thuận thì bà H có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia lại tài sản chung của hai vợ chồng.

[5] Đối với đơn yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn V và Chu Thị Đ yêu cầu ông Nguyễn Trung T và bà Vũ Thị H phải thanh toán số tiền 80.000.000 đồng. Theo “Đơn xin chia tài sản chung thỏa thuận của hai vợ chồng”, có xác nhận của Ban tự quản thôn EB ngày 16/7/2017 và chứng thực của UBND xã ĐLY ngày 21/8/2017, thì số tiền này thuộc trách nhiệm của bà H, nên bà H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông V, bà Đ.

- Đối với đơn yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Trung T, bà Vũ Thị H phải thanh toán cho

ông A, bà S số lượng cà phê nhân xô 843kg cà phê nhân xô và số tiền 28.850.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm vợ chồng ông A, bà S, ông T và bà H không kháng cáo, ông T đã thanh toán toàn bộ số cà phê nhân xô và số tiền cho vợ chồng ông A, bà S. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, sửa bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ - ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị H.

[6] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí tố tụng hết 2.100.000 đồng, do bác đơn khởi kiện nên bà H phải chịu chi phí tố tụng, Bà H đã nộp đủ nên không đặt ra xem xét

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do bác đơn khởi kiện về việc yêu cầu thay đổi nuôi con chung nên bà Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Về án phí yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, do chưa đủ điều kiện nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Đối với đơn yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông bà với ông Nguyễn Trung T, bà Vũ Thị H không được chấp nhận nên ông V và bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ, yêu cầu ông Nguyễn Trung T, bà Vũ Thị H phải thanh toán khoản nợ 80.000.000 đồng + lãi phát sinh theo lãi suất Ngân hàng. Số tiền này bà H là người phải thanh toán nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với đơn yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S được chấp nhận nên ông T và bà H phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà H, ông V, bà Đ và ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 308; Điều 309; khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số: 802/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung T.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2019/HNGĐ-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 39, Điều 81, 83 Luật hôn nhân - Gia đình.

Tuyên xử:

- Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc yêu cầu thay đổi nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung.

- Bác đơn yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn V, Chu Thị Đ về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa ông Vũ Văn V, bà Chu Thị Đ với ông Nguyễn Trung T, bà Vũ Thị H.

[2] Về chi phí thẩm định tài sản tại chỗ và chi phí định giá: Chi phí hết 2.100.000 đồng, bà Vũ Thị H phải chịu, bà H đã nộp đủ.

[3] Về án phí:

- Về án phí hôn nhân - Gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Vũ Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí HNGĐST và số tiền 5.092.000 đồng (lấy tròn số) án phí dân sự có giá ngạch. Được khấu trừ trong tổng số tiền 5.680.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai số: AA/2017/0010234 ngày 30/8/2018. Hoàn trả cho bà H số tiền 588.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Trung T phải chịu 792.000 đồng (lấy tròn số) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong tổng số tiền 7.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai số: AA/2017/0010584 ngày 15/3/2019. Hoàn trả cho ông V, bà Đ số tiền 6.400.000 đồng.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Như A, bà Hồ Thị S (do ông Hồ Văn V nộp thay) số tiền 1.425.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KN theo Biên lai số: AA/2017/0010625 ngày 27/3/2019.

- Về án phí hôn nhân - Gia đình phúc thẩm:

+ Hoàn trả cho bà Vũ Thị H (do ông Vũ Văn V nộp thay) số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai số: AA/2019/0002576 ngày 19/8/2019.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Trung T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KN theo Biên lai số: AA/2019/0002574 ngày 19/8/2019.

+ Hoàn trả cho ông Vũ Văn V và bà Chu Thị Đ (do ông Vũ Văn V nộp thay) số tiền 600.000 đồng (mỗi người 300.000 đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KN theo các Biên lai thu số: AA/2019/0002577 và Biên lai số: AA/2019/0002578 ngày 19/8/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện KN;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Tùng